

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **183/2024/DS-ST**

Ngày: 17/12/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**

Bà **Huỳnh Thị Thanh Hà**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Hà**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:

Ông **Đỗ Minh Tuấn** - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số **117/2023/TLST-DS** ngày 18/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐXX-ST ngày 07/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2024/QĐST-DS ngày 25/11/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1

Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số A, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hải Đ** – Giám đốc Xử lý nợ Ngoại bảng – Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng B11– Khối Ngân hàng bán lẻ V4 Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số D phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số 064922.24 ngày 03/4/2024)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Dương Thị S**, bà **Hoàng Thị H V1** và ông **Bùi Văn L** (Giấy ủy quyền số 099032.24 ngày 20/5/2024)

Bị đơn: Bà **Tạ Thị B** – sinh năm 1961; HKTT: Số C ngõ D, phường C, quận H, Hà Nội; nơi ở: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội (Vắng mặt)

Ông **Lê Hữu H1** – sinh năm 1957; HKTT và nơi ở: Số A ngách A phố H (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Lê Quang V1** – sinh năm 1986 (Vắng mặt);
2. Anh **Lê Quang N** – sinh năm 1994 (Vắng mặt);
3. Chị **Nguyễn Thu T** – sinh năm 1994 (Vắng mặt);

4. Cháu **Lê Ngọc Tường V2**– sinh ngày 01/02/2012 (Vắng mặt);

5. Cháu **Lê Ngọc Tường A**– sinh ngày 01/5/2015 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số A ngách A phố H (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của cháu V3 và cháu A: Anh **Lê Quang N** và chị **Nguyễn Thu T** (Bố đẻ và mẹ đẻ của các cháu).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 đã ký với bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H2 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Ngày 30/7/2018, V4 đã ký hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.HĐTD với bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H3 nội dung: Số tiền vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà không thay đổi kết cấu; thời hạn vay: 108 tháng, thời hạn vay: từ 31/7/2018 đến 30/7/2027. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.2%/năm (Lãi suất này là lãi suất ưu đãi do với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3.39%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được V4 chủ động điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ 4,29%/năm. Ngày 30/7/2018, V4 đã giải ngân cho bà B1 ông H theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 5.248.18.020.KUNN với số tiền 600.000.000 đồng.

Ngày 31/8/2020, V4 và bà Tạ Thị B2 ký kết Đề nghị phát hành thẻ tín dụng với hạn mức thẻ: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng chẵn); số tài khoản thẻ tín dụng: 000000000346678.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội.

Tạm tính đến ngày 04/4/2023, bà B1 ông H4 trả cho V4 số tiền tổng cộng là 715.383.337 đồng; trong đó: Nợ gốc: 478.312.676 đồng; nợ lãi: 237.070.661 đồng. Bà B1 ông H5 nợ VIB số tiền: 284.658.886 đồng bao gồm:

HĐTD	Nợ gốc (đồng)	Nợ lãi trong hạn (đồng)	Phí (đồng)	Tổng (đồng)
5.248.18.02 0.KUNN Ngày 30/7/2018	121.678.324	10.631.88	260.471	132.579.683

Đề nghị phát hành thẻ ngày 31/8/2020	89.907.623	27.436.566	34.735.014	152.079.203
Tổng				284.658.886

Quá trình giải quyết vụ án, bà B1 ông H4 tất toán toàn bộ dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUNN ngày 30/7/2018. Ngày 09/9/2024, V4 đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với dư nợ của bà B1 ông H15 Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUNN. Đối với dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 31/8/2020 và quyền yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo, V4 đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định.

Tính đến ngày 07/11/2024, bà B1 ông H5 nợ VIB theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 tổng số tiền: 230.833.651 đồng, bao gồm: Nợ gốc 89.907.074 đồng; nợ lãi trong hạn: 60.999.361 đồng; nợ lãi quá hạn và phí: 79.927.216 đồng.

Nay VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Buộc bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H6 thanh toán cho VIB theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 tạm tính đến ngày 07/11/2024 tổng số tiền: 230.833.651 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 89.907.074 đồng; nợ lãi trong hạn: 60.999.361 đồng; nợ lãi quá hạn và phí: 79.927.216 đồng. Tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 07/11/2024 cho đến khi bà B1 ông H7 toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà B1 ông H8 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V4 đề nghị Tòa án tuyên VIB có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội. Toàn bộ số tiền vay thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V4 Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V4

Bị đơn là ông Lê Hữu H1 trình bày:

Ngày 30/07/2018, ông và vợ là bà Tạ Thị Bích K đồng tín dụng số 5.248.18.020.HĐTD với Ngân hàng TMCP Q1. Đến ngày 30/7/2018, V3 đã giải ngân cho vợ chồng ông số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) theo đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số: 5.248.18.020.KUNN.

Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội

Tính đến ngày 22/01/2024, tổng nghĩa vụ của ông và bà B3 V4 là 149.628.448 đồng, trong đó: Nợ gốc: 121.687.324 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.369.895 đồng, lãi quá hạn: 11.571.226 đồng.

Ngày 30/8/2024, ông đã nộp số tiền 168.150.313 đồng vào tài khoản số 020704060062745 đứng tên bà Tạ Thị B4 tất toán khoản vay này. Ông đề nghị V4 hạch toán cho ông số tiền này. Về khoản vay 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) của bà Tạ Thị B theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng với hạn mức thẻ ngày 31/8/2020, ông xác định đây là khoản vay riêng của bà B5 liên quan đến ông, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông không chấp nhận yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của V4

Bà Tạ Thị B trình bày: Ngày 30/7/2018, bà và ông Lê Hữu H9 ký Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUN ngày 30/7/2018 với V4 Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A, phường Đ, quận H, Hà Nội.

Ngày 31/8/2020, bà có ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng với hạn mức thẻ: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng); số tài khoản thẻ tín dụng: 000000000346678 với V4 Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

Ngày 30/8/2024, bà và ông H4 nộp tiền tất toán toàn bộ dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUN ngày 30/7/2018.

Bà xác nhận tính đến ngày 07/11/2024, bà còn nợ VIB theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 số tiền nợ gốc là 89.907.074 đồng. Đây là khoản nợ cá nhân của bà, không phải là nợ chung hai vợ chồng, không liên quan đến ông H10 không đồng ý việc V4 yêu cầu phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A, phường Đ, quận H, H Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 4225, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2016 đã hết hiệu lực do nghĩa vụ bảo đảm đã tất toán ngày 30/8/2024. Mặt khác, quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại địa chỉ trên là tài sản chung của bà và ông H Quá trình sinh sống trên tài sản bảo đảm từ thời điểm thế chấp đến nay, gia đình bà không xây sửa hay tôn tạo gì đối với tài sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Quang N1 bày:

Anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến, quan điểm của bà B10 yêu cầu khởi kiện của V4. Đây là khoản nợ cá nhân của mẹ anh (Bà B), không phải là nợ chung của bố mẹ anh. Quá trình sinh sống trên tài sản bảo đảm từ thời điểm thế chấp đến nay, gia đình anh không xây sửa hay tôn tạo gì đối với tài sản. Anh không đồng ý việc VIB yêu cầu phát mãi tài sản quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A, phường Đ, quận H, H đây là tài sản chung của bố mẹ anh.

Anh Lê Q V2chị Nguyễn Thu T1 được Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, giấy báo các Thông báo về phiên hòa giải, nhưng không đến tòa để trình bày ý kiến, không có yêu cầu độc lập. Do anh V2chị Tkhông thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa ngày 25/11/2024, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Phiên tòa tiếp theo được ấn định vào ngày 17/12/2024, đã tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện như đã trình bày, buộc bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H6 thanh toán cho VIB theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 tạm tính đến ngày 17/12/2024 tổng số tiền: 230.833.651 đồng, bao gồm: Nợ gốc 89.907.074 đồng; nợ lãi trong hạn: 60.999.361 đồng; phí: 79.927.216 đồng. Tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 18/11/2024 cho đến khi bà B1 ông H7 toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà B1 ông H8 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V4đề nghị Tòa án tuyên VIB có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại địa chỉ: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội, để thu hồi nợ vay cho V4

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:**
Về tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ Điều 198 đến Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại chương VI của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 25/11/2024, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Phiên tòa tiếp theo được ấn định ngày 17/12/2024 đã tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự, nên việc Hội đồng xét xử ra bản án vắng mặt đối với bị đơn và những người liên quan là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà B1 ông H4 tất toán toàn bộ dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUNN ngày 30/7/2018. Ngày 09/9/2024, V4đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với dư nợ của bà B1 ông H11 nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của V4Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của V4 đối với bà Tạ Thị B, buộc bà B6 thanh toán trả VIB số tiền gốc theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 là: 89.907.074 đồng. Do VIB không cung cấp được căn cứ tính lãi, chỉ cung cấp được các sao kê giao dịch thẻ tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử tách phần yêu cầu về lãi suất bằng vụ kiện dân sự khác khi V4 có đủ tài liệu chứng minh. Không chấp nhận đối với yêu cầu V4có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm do nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp

không còn. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Căn cứ kết quả xác minh tại Công an phường Đ hiện Bị đơn là bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H12 có nơi cư trú tại: Số A A phố H (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xác định việc ra bản án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{3} Xét yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp của nguyên đơn:

Ngày 30/7/2018, V4 đã ký hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.HĐTD với bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H9 nội dung cơ bản sau: Số tiền vay 600.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà không thay đổi kết cấu; thời hạn vay: 108 tháng, thời hạn vay: từ 31/7/2018 đến 30/7/2027; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.2%/năm (lãi suất này là lãi suất ưu đãi do với lãi suất thông thường là: lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3.39%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được V4 chủ động điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ 4,29%/năm. Cùng ngày 30/7/2018, V4 đã giải ngân cho bà B1 ông H14

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10107153027, do UBND quận H cấp ngày 12/11/2004 cho ông Lê Hữu H13 bà Tạ Thị Bích .

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà B1 ông H4 tất toán toàn bộ dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUNN ngày 30/7/2018 cho V4. Ngày 09/9/2024, V4 đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với dư nợ của bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H14 Xét việc V4 đề nghị rút một phần yêu cầu

khởi kiện đối với dư nợ của bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H15 Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUNN ngày 30/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của V4 buộc bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H6 thanh toán cho VIB theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 tạm tính đến ngày 17/11/2024 tổng số tiền: 230.833.651 đồng, bao gồm: Nợ gốc 89.907.074 đồng; nợ lãi trong hạn: 60.999.361 đồng; và phí: 79.927.216 đồng, nhận thấy: Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tuy nhiên, bên vay trên Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 thể hiện chỉ có duy nhất bà Tạ Thị B là người ký kết. Bản thân bà B7 nhận đây là khoản vay cá nhân của bà, không liên quan đến ông H đồng thời ông Lê Hữu H16 khẳng định đây là khoản vay cá nhân của bà B. Do VIB không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện ông H17 ai khác ngoài bà B8 sử dụng khoản tiền vay trên nên hợp đồng này chỉ có bà B9 người duy nhất phải có nghĩa vụ thanh toán cho V4.

Xét Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 4225, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2016 tài sản, tại Điều 1 của Hợp đồng này quy định: *“Nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên B (bà Tạ Thị B1 chồng là ông Lê Hữu H18 tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh, riêng rẽ hoặc liên đới với bất kỳ người nào khác, cho bên A (Ngân hàng TMCP Q2 gồm nhưng không giới hạn bởi khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm, phí, phí tư vấn pháp lý (nếu có), và các khoản phải trả khác theo Hợp đồng tín dụng số: 5.248.18.020.HĐTD ký ngày 25/11/2016 với giá trị gốc của khoản tín dụng là: 600.000.000 VND (Sáu trăm triệu đồng chẵn) bao gồm các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng tín dụng ký giữa Bên A và Bên B trong khoảng thời gian từ 25/11/2016 đến 25/11/2036. Các bên đồng ý rằng giá trị này không nhằm xác định giá trị của Nghĩa vụ được bảo đảm nếu tài sản thế chấp bị xử lý theo Điều 9 của Hợp đồng tín dụng”*. Như vậy tài sản bảo đảm được xác định trong Hợp đồng này chỉ đảm bảo cho khoản vay chung của bà Tạ Thị B1 chồng là ông Lê Hữu H1

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của V4 về việc thanh toán theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020 đối với bà B1 ông H14 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của V4 về việc bà B6 thanh toán cho V4 dư nợ gốc theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020. Không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường

Đ, quận H, Hà Nội, trong trường hợp bà B5 thanh toán cho V4 dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020.

{4} Về lãi suất trong hạn, và phí phạt: Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã có văn bản yêu cầu ngân hàng cung cấp tài liệu là: *“Toàn bộ quyết định thay đổi lãi suất liên quan đến Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/8/2020 và Bảng kê chi tiết đối với dư nợ của khách hàng liên quan đến Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/8/2020.”* Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, V4 chỉ cung cấp cho Tòa án các biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng, các sao kê giao dịch thẻ tín dụng. VIB không cung cấp được Bảng kê chi tiết đối với dư nợ của khách hàng liên quan đến Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/8/2020 cũng như căn cứ tính lãi, nên đối với yêu cầu về lãi của V4, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử tách phần yêu cầu về lãi suất bằng vụ kiện dân sự khác khi V4 có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

{5} Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên bà B phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là: 89.907.074 đồng, tuy nhiên, do bà B9 người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu của V4 về toàn bộ số tiền lãi và phí là 140.926.577 đồng không được chấp nhận, nên VIB phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận này.

{6} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

+ Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 324 và Điều 327 của Bộ luật dân sự năm 2015

+ Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

+ Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 đối với dư nợ của bà Tạ Thị B1 ông Lê Hữu H15 Hợp đồng tín dụng số 5.248.18.020.KUNN ngày 30/7/2018.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 đối với bà Tạ Thị B10 việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/8/2020.

Bà Tạ Thị B có nghĩa vụ thanh toán trả cho V4 số tiền gốc là: 89.907.074 đồng (*Tám mươi chín triệu, chín trăm linh bảy nghìn, không trăm bảy mươi tư đồng*).

Kể từ ngày 18/12/2024, bà B tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong khoản nợ gốc cho V4.

VIB có quyền khởi kiện yêu cầu về lãi suất bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ pháp lý và tài liệu, chứng cứ chứng minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu của V4 có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số: 396, tờ bản đồ số: 6I-I-32, diện tích: 39,1 m², địa chỉ: Số A (Số cũ: 26 ngõ Đ), phường Đ, quận H, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10107153027, hồ sơ gốc số: 187.204.QĐUB.68.2004 do UBND quận H ủy quyền UBND thành phố H cấp ngày 12/11/2004 cho ông Lê Hữu H13 bà Tạ Thị Bích. Tài sản được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 4225, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2016 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi khoản nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 31/8/2020.

4. Về án phí: Bị đơn là bà Tạ Thị B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 7.046.330 đồng (*Bảy triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi đồng*), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.116.472 đồng (*Bảy triệu, một trăm mười sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng*) theo biên lai thu tạm

ứng án phí số AA/2020/0013989 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nay VIB được hoàn trả số tiền 70.142 đồng (*Bảy mươi nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoàng Phương